

CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT THÀNH NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT THÀNH NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANHNAM FURNITURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THANHNAM FURNITURE.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107094843

3. Ngày thành lập: 11/11/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 31 đường Khuất Duy Tiến, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
2.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đặc; - Sản xuất cửa an toàn, kết, cửa bọc sắt... - Sản xuất túi đựng nữ trang; - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gập lại được; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như : Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; - Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: dây gai, dây rào dậu, vĩ, lưới, vải... - Sản xuất đinh hoặc ghim; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; - Sản xuất các sản phẩm đinh vít - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; - Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như : Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo;	2599

3.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
4.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
5.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
6.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
7.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
8.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
9.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
10.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
11.	Trồng lúa	0111
12.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
13.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
14.	Trồng cây mía	0114
15.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
16.	Trồng cây hàng năm khác	0119
17.	Trồng cây ăn quả	0121
18.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
19.	Chăn nuôi lợn	0145
20.	Chăn nuôi gia cầm	0146
21.	Chăn nuôi khác	0149
22.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
23.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
24.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
25.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
26.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
27.	Khai thác gỗ	0221
28.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
29.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
30.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
31.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
32.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
33.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
34.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
35.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
36.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
37.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
38.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
39.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
40.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662

41.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
42.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
43.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
44.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
45.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
46.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
47.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
48.	Xây dựng nhà các loại	4100
49.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
50.	Xây dựng công trình công ích	4220
51.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
52.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
53.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
54.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
55.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
56.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649(Chính)
57.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
58.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
59.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
61.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng	7730

6. Vốn điều lệ: 8.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ MINH TÂN	Thôn An Rặc, Xã Hồng Thái, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	240.000	2.400.000.000	30	142705251	
			Tổng số	240.000	2.400.000.000	30		
2	TRẦN VĂN QUYỀN	Số 8, ngõ 8, tổ 8, Phường Phú Lâm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	480.000	4.800.000.000	60	017498861	
			Tổng số	480.000	4.800.000.000	60		
3	PHẠM VĂN SON	Thôn Vĩnh Trà, Xã Nam Trung, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	10	034082001039	
			Tổng số	80.000	800.000.000	10		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: VŨ MINH TÂN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Ngày sinh: *10/02/1988*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *142705251*

Ngày cấp: *13/04/2010*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Hải Dương*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn An Rặc, Xã Hồng Thái, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Thôn An Rặc, Xã Hồng Thái, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội